

**BIÊN SỐ 0 - TỔNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025**

Nghị quyết số 17NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch vốn năm 2025				
		Tổng số	Bao gồm			Vốn nước ngoài (vay ODA)
			Vốn trong nước			
			Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	Thu xổ số kiến thiết	
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>9,403,620.0</b>	<b>863,520.0</b>	<b>8,303,000.0</b>	<b>47,000.0</b>	<b>190,100.0</b>
1	Vốn ngân sách tỉnh	6,286,368.1	625,686.5	5,423,581.6	47,000.0	190,100.0
2	Vốn ngân sách cấp huyện, xã	3,117,251.9	237,833.5	2,879,418.4		
2.1	Thành phố Hải Dương <sup>(1)</sup>	901,650.0		901,650.0		
2.2	Thành phố Chí Linh	174,691.3	23,491.3	151,200.0		
2.3	Huyện Nam Sách	110,376.4	20,376.4	90,000.0		
2.4	Thị xã Kinh Môn	134,616.0	21,616.0	113,000.0		
2.5	Huyện Kim Thành	248,639.1	21,859.1	226,780.0		
2.6	Huyện Thanh Hà	87,246.5	21,646.5	65,600.0		
2.7	Huyện Tứ Kỳ	56,558.6	23,022.2	33,536.4		
2.8	Huyện Gia Lộc	83,904.2	20,746.2	63,158.0		
2.9	Huyện Thanh Miện	231,752.4	21,258.4	210,494.0		
2.10	Huyện Ninh Giang	621,974.5	21,974.5	600,000.0		
2.11	Huyện Bình Giang	221,316.8	19,716.8	201,600.0		
2.12	Huyện Cẩm Giàng	244,526.1	22,126.1	222,400.0		

**Ghi chú:**

<sup>(1)</sup>- Đã đối trừ giảm 21.221,4 triệu đồng vốn XDCB tập trung trong tổng số 48.977 triệu đồng vốn ngân sách thành phố Hải Dương phải bố trí trả nợ vốn vay ODA theo kế hoạch năm 2025 (hoàn trả về ngân sách tỉnh).



**PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH NĂM 2025 (NGUỒN VỐN TRONG NƯỚC)**  
Nghị quyết số 11/Q-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025			Nguồn vốn	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn	Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	Thu số xố kiến thiết	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP					
A	B	1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>21,434,376.2</b>	<b>17,730,439.2</b>	<b>6,096,268.100</b>	<b>625,686.500</b>	<b>5,423,581.600</b>	<b>47,000.000</b>	
A	<b>TRẢ NỢ GÓC VỐN VAY</b>				<b>71,634.000</b>	<b>71,634.000</b>			
B	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>				<b>12,220.000</b>	<b>12,220.000</b>			
C	<b>THỰC HIỆN ĐẦU TƯ DỰ ÁN</b>		<b>15,815,398.8</b>	<b>14,037,506.8</b>	<b>4,216,980.691</b>	<b>336,300.000</b>	<b>3,833,680.691</b>	<b>47,000.000</b>	
I	Dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2024 trở về trước		86,716.4	85,716.4	3,200.000	2,200.000		1,000.000	
2	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025		5,756,076.4	5,161,076.4	2,119,280.691	189,200.000	1,897,880.691	32,200.000	
3	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025		9,972,605.9	8,790,713.9	2,094,500.000	144,900.000	1,935,800.000	13,800.000	
4	Dự án khởi công mới								
<b>C.1</b>	<b>Lĩnh vực An ninh và trật tự, an toàn xã hội</b>		<b>852,000.0</b>	<b>482,000.0</b>	<b>104,515.000</b>		<b>104,515.000</b>		
	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025</b>		<b>852,000.0</b>	<b>482,000.0</b>	<b>104,515.000</b>		<b>104,515.000</b>		
1	Xây dựng trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 1)	161; 03/11/2023	112,000.0	112,000.0	9,285.000		9,285.000		
2	Xây dựng trụ sở Công an tỉnh (địa điểm mới)	2373; 12/4/2024	740,000.0	370,000.0	95,230.000		95,230.000		
<b>C.2</b>	<b>Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>		<b>232,131.3</b>	<b>232,131.3</b>	<b>96,500.000</b>		<b>49,500.000</b>	<b>47,000.000</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2024 trở về trước</b>		<b>14,954.4</b>	<b>14,954.4</b>	<b>1,000.000</b>			<b>1,000.000</b>	
1	Đầu tư xây dựng Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng - Trường THPT Ninh Giang	3722; 30/12/2022	14,954.4	14,954.4	1,000.000			1,000.000	
<b>II</b>	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025</b>		<b>150,169.9</b>	<b>150,169.9</b>	<b>75,500.000</b>		<b>43,300.000</b>	<b>32,200.000</b>	

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025			
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn	Nguồn vốn		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP		Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	Thu số xã kiến thiết
A	B	1	2	3	4=5+6+7	5	6	7
1	Trường THPT Nhị Chiêu (địa điểm mới - giai đoạn 1)	3129, 31/10/2016; 395, 16/02/2024	44,725.3	44,725.3	10,000.000		8,300.000	1,700.000
2	Đầu tư xây dựng Nhà lớp học bộ môn 03 tầng trường THPT Tuệ Tĩnh, huyện Cẩm Giàng	2476; 03/11/2023	18,061.9	18,061.9	1,500.000			1,500.000
3	Đầu tư xây dựng mới 02 nhà lớp học bộ môn, nhà thư viện; Cải tạo, sửa chữa các nhà lớp học cũ của Trường THPT Từ Kỳ, huyện Từ Kỳ	975; 22/4/2024	30,074.2	30,074.2	19,000.000			19,000.000
4	Nhà lớp học 03 tầng 12 phòng Trường Trung học phổ thông Nam Sách, huyện Nam Sách	1206; 24/5/2024	16,108.5	16,108.5	10,000.000			10,000.000
5	Xây dựng Trường Trung cấp văn hóa, nghệ thuật và du lịch	2000; 31/7/2024	41,200.0	41,200.0	35,000.000		35,000.000	
<b>III</b>	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025</b>		<b>67,007.0</b>	<b>67,007.0</b>	<b>20,000.000</b>		<b>6,200.000</b>	<b>13,800.000</b>
1	Xây dựng mới nhà lớp học, nhà hiệu bộ; cải tạo nhà lớp học cũ trường THPT Bình Giang, huyện Bình Giang	2706; 18/10/2024	67,007.0	67,007.0	20,000.000		6,200.000	13,800.000
<b>C.3</b>	<b>Lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình</b>		<b>358,051.1</b>	<b>358,051.1</b>	<b>73,500.000</b>		<b>32,500.000</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2024 trở về trước</b>		<b>14,262.0</b>	<b>14,262.0</b>	<b>1,000.000</b>		<b>1,000.000</b>	
1	Đầu tư xây dựng mới Nhà điều trị bệnh tâm căn và người bệnh cao tuổi, Bệnh viện Tâm thần Hải Dương	2477; 03/11/2023	14,262.0	14,262.0	1,000.000			
<b>II</b>	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025</b>		<b>248,789.1</b>	<b>248,789.1</b>	<b>42,500.000</b>		<b>2,500.000</b>	
1	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Phụ sản Hải Dương giai đoạn II (Khởi đầu điều trị nội trú và dịch vụ tổng hợp)	112; 18/01/2023	239,631.9	239,631.9	40,000.000			

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025			
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn	Vốn XDCB tập trung	Nguồn vốn	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP			Thu sử dụng đất	Thu số xổ kiến thiết
A	B	1	2	3	4=5+6+7	5	6	7
2	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện phổi Hải Dương - Hạng mục: Nhà điều trị bệnh nhân lao phổi AFB, lao ngoài phổi và lao/HIV (khoa hồi sức cấp cứu); Nhà hô hấp cấp cứu 02 tầng (khoa ung bướu) và Nhà điều trị lao phổi A	1245; 28/5/2024	9,157.2	9,157.2	2,500.000		2,500.000	
<b>III Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025</b>			<b>95,000.0</b>	<b>95,000.0</b>	<b>30,000.000</b>		<b>30,000.000</b>	
1	Xây dựng nhà khoa nhi, khoa ngoại, khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản và phụ sản, khoa nội và hạ tầng kỹ thuật và phụ trợ thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Giang	2700; 18/10/2024	95,000.0	95,000.0	30,000.000		30,000.000	
<b>C.4 Lĩnh vực Văn hóa, thông tin</b>			<b>57,500.0</b>	<b>56,500.0</b>	<b>1,200.000</b>		<b>1,200.000</b>	
<b>Dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2024 trở về trước</b>			<b>57,500.0</b>	<b>56,500.0</b>	<b>1,200.000</b>		<b>1,200.000</b>	
1	Xây dựng Tượng đài Tiếng sấm đường 5	1200; 23/4/2021	57,500.0	56,500.0	1,200.000		1,200.000	
<b>C.5 Các hoạt động kinh tế</b>			<b>13,409,831.6</b>	<b>12,127,939.6</b>	<b>3,492,431.317</b>		<b>3,198,331.317</b>	
<b>I Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>			<b>507,721.9</b>	<b>507,721.9</b>	<b>211,700.000</b>		<b>17,200.000</b>	
<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025</b>			<b>507,721.9</b>	<b>507,721.9</b>	<b>211,700.000</b>		<b>17,200.000</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp công trình đê điều đê địa phương tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025	1336; 08/7/2023	139,403.0	139,403.0	25,000.000		25,000.000	
2	Tu bổ, nạo vét kênh dẫn nước tưới, tiêu và cải tạo, nâng cấp một số trạm bơm trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 - 2025	3140; 26/12/2023	167,698.8	167,698.8	90,000.000		90,000.000	
3	Sửa chữa, cải tạo trạm bơm Vạn Thắng, thành phố Chí Linh	971; 22/4/2024	36,019.0	36,019.0	17,200.000		17,200.000	
4	Sửa chữa, cải tạo trạm bơm Chu Đậu, huyện Nam Sách	974; 22/4/2024	60,046.0	60,046.0	39,000.000		39,000.000	
5	Sửa chữa, cải tạo trạm bơm Ngọc Trì, huyện Nam Sách	973; 22/4/2024	59,555.0	59,555.0	28,500.000		28,500.000	

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025			
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn	Nguồn vốn		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP		Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	Thu số xã kiến thiết
A	B	1	2	3	4=5+6+7	5	6	7
6	Xử lý sự cố đê điều trên địa bàn huyện Nam Sách và huyện Thanh Hà	2847; 05/12/2023	45,000.0	45,000.0	12,000.000		12,000.000	
<b>II</b>	<b>Giao thông</b>		<b>12,782,294.7</b>	<b>11,500,402.7</b>	<b>3,200,731.317</b>	<b>276,900.000</b>	<b>2,923,831.317</b>	
<b>II.1</b>	<b>Dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2024 trở về trước</b>							
<b>II.2</b>	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025</b>		<b>3,313,996.8</b>	<b>3,213,996.8</b>	<b>1,295,731.317</b>	<b>132,000.000</b>	<b>1,163,731.317</b>	
1	Xây dựng tuyến đường kết nối đường tỉnh 398B (tỉnh Hải Dương) với đường tỉnh 345 (tỉnh Quảng Ninh), thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2239; 03/7/2019	46,452.7	46,452.7	11,000.000	11,000.000		
2	Đầu tư xây dựng cầu Kênh Vàng và đường dẫn hai đầu cầu, kết nối hai tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương	771; 24/6/2024	519,134.0	519,134.0	433,231.317		433,231.317	
3	Đầu tư xây dựng cầu Cây thuộc tuyến đường tránh đường tỉnh 394	1320; 04/7/2023	202,980.0	202,980.0	60,000.000	60,000.000		
4	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 391, đoạn Km24+600-Km29+325	278; 21/02/2023	274,770.0	274,770.0	80,000.000		80,000.000	
5	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 390 đoạn từ cầu Hợp Thanh đến cầu Quang Thanh	433; 17/3/2023	421,189.0	421,189.0	16,000.000		16,000.000	
6	Xây dựng đường tránh đường tỉnh 391 đoạn qua địa bàn thị trấn Tứ Kỳ và xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ	402, 28/01/2022; 806, 28/4/2023	155,943.1	55,943.1	22,000.000		22,000.000	
7	Đầu tư xây dựng đường dẫn cầu Hải Hưng kết nối tỉnh Hải Dương với tỉnh Hưng Yên	987; 23/4/2024	60,000.0	60,000.0	35,500.000		35,500.000	
8	Đầu tư xây dựng đường vào khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (1/2 tuyến bên trái từ ngã ba An Lĩnh đến ngã ba đầu Ròng)	1966; 15/9/2023	564,050.0	564,050.0	65,000.000		65,000.000	
9	Cầu vượt sông Kinh Môn và đường dẫn nối nút giao lập thể với Quốc lộ 5	2461; 02/11/2023	600,000.0	600,000.0	313,000.000	61,000.000	252,000.000	
10	Xây dựng đường dân cầu Cây mới và đường 33m kéo dài (qua địa phận huyện Cẩm Giàng) nối đường Vũ Công Đán, thành phố Hải Dương	2475; 03/11/2023	469,478.0	469,478.0	260,000.000		260,000.000	
<b>II.3</b>	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025</b>		<b>9,468,297.9</b>	<b>8,286,405.9</b>	<b>1,905,000.000</b>	<b>144,900.000</b>	<b>1,760,100.000</b>	

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025			
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn	Nguồn vốn		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP		Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	Thu số xã kiến thiết
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7		
A	B							
1	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 394B, tỉnh Hải Dương (đoạn nối từ đường tỉnh 395 đến đường trục Bắc - Nam, huyện Thanh Miện)	1954; 31/7/2024	1,208,415.0	1,208,415.0	450,000.000	450,000.000		
2	Đầu tư xây dựng nút giao liên thông kết nối Quốc lộ 17B với Quốc lộ 5, đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, tỉnh Hải Dương	428; 26/02/2024	1,867,000.0	685,108.0	80,000.000	80,000.000		
3	Đầu tư xây dựng cầu Tân An và đường dẫn nối Quốc lộ 18, thành phố Chí Linh	1654; 10/7/2024	600,000.0	600,000.0	150,000.000	150,000.000		
4	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 396 kéo dài (đoạn nối từ đường tỉnh 391 đến đường tỉnh 390)	1969; 15/9/2023	846,420.0	846,420.0	140,000.000	100,000.000	40,000.000	
5	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 391 đoạn từ thành phố Hải Dương đến đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương	557; 31/3/2023	1,392,670.0	1,392,670.0	200,000.000	200,000.000		
6	Đầu tư xây dựng tuyến đường và cầu Vạn kết nối Quốc lộ 37, thành phố Chí Linh với đường dẫn cầu Triều, thị xã Kinh Môn	1656; 10/7/2024	1,296,200.0	1,296,200.0	275,000.000	44,900.000	230,100.000	
7	Đường tránh Quốc lộ 37 đoạn qua thị trấn Gia Lộc (đoạn nối cầu Thống Nhất/Quốc lộ 37 với đường vành đai I thành phố Hải Dương)	2980; 11/11/2024	612,159.9	612,159.9	200,000.000	200,000.000		
8	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 393, đoạn từ Km10+180-Km20+050 (từ công Ba Đa đến cầu Từ Ô)	2988; 12/11/2024	176,000.0	176,000.0	80,000.000	80,000.000		
9	Đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông kết nối Quốc lộ 17B với cầu Đình, thị xã Kinh Môn	2900; 05/11/2024	248,000.0	248,000.0	100,000.000	100,000.000		
10	Đầu tư xây dựng đường vành đai I thành phố Hải Dương, đoạn từ đường 62m đến Khu công nghiệp Đại An mở rộng	2901; 05/11/2024	436,300.0	436,300.0	30,000.000	30,000.000		
11	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 17B (tỉnh Hải Dương) với đường tỉnh 352 (thành phố Hải Phòng) đoạn từ Quốc lộ 17B đến sông Kinh Thầy, thị xã Kinh Môn	2987; 12/11/2024	785,133.0	785,133.0	200,000.000	200,000.000		
<b>III</b>	<b>Công nghệ thông tin</b>		<b>31,250.0</b>	<b>31,250.0</b>	<b>28,000.000</b>	<b>28,000.000</b>		



STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025			Nguồn vốn		
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn	Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	Thu số số kiến thiết		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP						
A	B	1	2	3	4=5+6+7	5	6	7		
1	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025</b> Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng tỉnh Hải Dương năm 2024, 2025	2931; 08/11/2024	31,250.0	31,250.0	28,000.000		28,000.000			
IV	<b>Công trình công cộng tại các đô thị</b>		88,565.0	88,565.0	52,000.000		52,000.000			
1	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025</b> Cải tạo, chỉnh trang hệ thống điện chiếu sáng, chiếu sáng mỹ thuật, cây xanh, vỉa hè đường Trường Chinh, đại lộ Võ Nguyên Giáp trên địa bàn thành phố Hải Dương và huyện Gia Lộc	972; 22/4/2024	88,565.0	88,565.0	52,000.000		52,000.000			
<b>C.6</b>	<b>Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội</b>		128,917.3	103,917.3	37,334.374		37,334.374			
	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025</b>		128,917.3	103,917.3	37,334.374		37,334.374			
1	Nâng cấp, cải tạo và sửa chữa nhà khách Bạch Đằng	589, 03/3/2022; 860, 19/4/2022	60,279.9	60,279.9	13,000.000		13,000.000			
2	Sửa chữa, cải tạo công trình Trụ sở Báo Hải Dương	424; 26/02/2024	14,303.1	14,303.1	1,500.000		1,500.000			
3	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở cũ của Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh để bố trí lại trụ sở làm việc của một số đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Trung tâm trợ giúp pháp lý (Sở Tư pháp)	988; 23/4/2024	20,000.0	20,000.0	13,500.000		13,500.000			
4	Xây dựng mới trụ sở Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương	130/QĐ-VKSTC ngày 15/10/2024	34,334.4	9,334.4	9,334.374		9,334.374			
<b>C.7</b>	<b>Lĩnh vực xã hội</b>		484,666.4	384,666.4	311,500.000		311,500.000			

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025			Thu số xổ kiến thiết
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn	Nguồn vốn		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP		Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	
A	B	1	2	3	4=5+6+7	5	6	7
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025</b>		<b>434,666.4</b>	<b>334,666.4</b>	<b>272,000.000</b>		<b>272,000.000</b>	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới Trung tâm dịch vụ việc làm - Giáo dục nghề nghiệp Hải Dương	1652; 10/7/2024	55,344.4	55,344.4	47,000.000		47,000.000	
2	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương (địa điểm mới)	394; 16/02/2024; 03; 01/03/2024	379,322.0	279,322.0	225,000.000		225,000.000	
<b>II</b>	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025</b>		<b>50,000.0</b>	<b>50,000.0</b>	<b>39,500.000</b>		<b>39,500.000</b>	
1	Cải tạo Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Hải Dương	3797; 31/10/2024	50,000.0	50,000.0	39,500.000		39,500.000	
<b>C.8</b>	<b>Các dự án khác</b>		<b>292,301.0</b>	<b>292,301.0</b>	<b>100,000.000</b>		<b>100,000.000</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025</b>		<b>292,301.0</b>	<b>292,301.0</b>	<b>100,000.000</b>		<b>100,000.000</b>	
1	Khu chung cư Tạ Quang Bửu, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương	1244; 28/5/2024	292,301.0	292,301.0	100,000.000		100,000.000	
<b>D</b>	<b>BỘ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, DỰ ÁN CỤ THỂ</b>		<b>5,618,977.5</b>	<b>3,692,932.4</b>	<b>1,458,786.507</b>		<b>1,458,786.507</b>	
<b>I</b>	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Phân bổ chi tiết sau khi dự án đủ điều kiện bố trí vốn)		<b>323,110.0</b>	<b>323,110.0</b>	<b>30,145.700</b>		<b>30,145.700</b>	
<b>II</b>	Đề án Phát triển hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030		<b>260,000.0</b>	<b>260,000.0</b>	<b>52,329.847</b>		<b>52,329.847</b>	
<b>III.1</b>	<b>Phân bổ chi tiết</b>		<b>110,807.4</b>	<b>37,417.9</b>	<b>26,749.847</b>		<b>26,749.847</b>	
(1)	Thị xã Kinh Môn		53,975.5	18,990.9	12,322.894		12,322.894	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Minh Hòa	1641; 04/11/2024	33,435.5	11,980.5	7,682.460		7,682.460	



STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025			Thu số xổ kiến thiết
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn	Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP				
A	B	1	2	3	4=5+6+7	5	6	7
2	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung phường Tân Dân	1666; 08/11/2024	20,540.0	7,010.4	4,640.434		4,640.434	
(2)	<i>Huyện Ninh Giang</i>		<i>11,159.3</i>	<i>4,635.8</i>	<i>4,635.797</i>		<i>4,635.797</i>	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Hưng Long, huyện Ninh Giang	3424; 22/11/2024	11,159.3	4,635.8	4,635.797		4,635.797	
(3)	<i>Thành phố Hải Dương</i>		<i>45,672.7</i>	<i>13,791.2</i>	<i>9,791.156</i>		<i>9,791.156</i>	
	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ kết hợp phát triển du lịch phường Nhị Châu, thành phố Hải Dương	3974; 03/10/2024	45,672.7	13,791.2	9,791.156		9,791.156	
<b>II.2</b>	<b><i>Phân bổ chi tiết sau khi dự án đủ điều kiện bố trí vốn</i></b>				<b>25,580.000</b>		<b>25,580.000</b>	
<b>III</b>	<b>Đề án Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc công an cấp xã</b>				<b>60,644.500</b>		<b>60,644.500</b>	
<b>III.1</b>	<b><i>Phân bổ chi tiết</i></b>		<b>46,439.1</b>	<b>31,059.8</b>	<b>18,153.000</b>		<b>18,153.000</b>	
(1)	<i>Huyện Thanh Hà</i>		<i>38,794.1</i>	<i>25,326.0</i>	<i>16,420.000</i>		<i>16,420.000</i>	
1	Trụ sở nhà làm việc công an xã Tân Việt	32; 20/9/2024	9,988.0	6,331.5	3,830.000		3,830.000	
2	Trụ sở nhà làm việc công an xã An Phượng	30; 18/9/2024	9,901.0	6,331.5	3,330.000		3,330.000	
3	Trụ sở nhà làm việc công an xã Thanh Sơn	29; 18/9/2024	9,925.0	6,331.5	5,930.000		5,930.000	
4	Trụ sở nhà làm việc công an xã Thanh Hồng	31; 20/9/2024	8,980.1	6,331.5	3,330.000		3,330.000	
(2)	<i>Huyện Cẩm Giang</i>		<i>7,645.0</i>	<i>5,733.8</i>	<i>1,733.000</i>		<i>1,733.000</i>	
1	Trụ sở làm việc công an xã Cẩm Đông	44; 27/8/2024	7,645.0	5,733.8	1,733.000		1,733.000	
<b>III.2</b>	<b><i>Phân bổ chi tiết sau khi dự án đủ điều kiện bố trí vốn</i></b>				<b>42,491.500</b>		<b>42,491.500</b>	
<b>IV</b>	<b>Đề án Xây dựng, bổ sung phòng học thiếu tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025</b>				<b>50,652.500</b>		<b>50,652.500</b>	
<b>IV.1</b>	<b><i>Phân bổ chi tiết</i></b>		<b>56,115.1</b>	<b>29,690.0</b>	<b>16,690.000</b>		<b>16,690.000</b>	

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025			Thu số xổ kiến thiết
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn	Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP				
A	B	1	2	3	4=5+6+7	5	6	7
(1)	<i>Thành phố Chí Linh</i>		14,880.0	7,590.0	7,590.000		7,590.000	
1	Xây dựng trường mầm non Hoàng Tân - Hạng mục Nhà lớp học 12 phòng	4057; 08/12/2023	14,880.0	7,590.0	7,590.000		7,590.000	
(2)	<i>Huyện Thanh Hà</i>		8,444.2	5,200.0	2,200.000		2,200.000	
1	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng Trường Tiểu học Thanh Xuân, xã Thanh Xuân	2741; 08/8/2024	8,444.2	5,200.0	2,200.000		2,200.000	
(2)	<i>Huyện Tứ Kỳ</i>		15,640.9	9,100.0	4,100.000		4,100.000	
1	Xây dựng phòng học thiếu tại các cơ sở giáo dục Tiểu học; Hạng mục Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Tiểu học Hưng Đạo, điểm trường thôn Xuân Néo; Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng (thiết kế móng xây dựng 3 tầng) trường Tiểu học Quảng Nghiệp và Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng (thiết kế móng xây dựng 3 tầng) trường Tiểu học Thị trấn Tứ Kỳ	1380; 03/5/2024	15,640.9	9,100.0	4,100.000		4,100.000	
(3)	<i>Huyện Cẩm Giang</i>		17,150.0	7,800.0	2,800.000		2,800.000	
1	Nhà lớp học Trường Tiểu học Lai Cách	2782; 26/8/2024	17,150.0	7,800.0	2,800.000		2,800.000	
<b>IV.2</b>	<b>Phân bổ chi tiết sau khi dự án đủ điều kiện bố trí vốn</b>				<b>33,962.500</b>		<b>33,962.500</b>	
<b>V</b>	<b>Các dự án khác</b>		<b>5,035,867.5</b>	<b>3,109,822.4</b>	<b>1,265,013.960</b>		<b>1,265,013.960</b>	
(1)	<i>Thành phố Chí Linh</i>		23,000.0	12,900.0	6,400.000		6,400.000	
1	Đường hầm Thành ủy ( mật danh CLAI)	4063, 13/10/2022; 33, 30/7/2024	23,000.0	12,900.0	6,400.000		6,400.000	
(2)	<i>Huyện Nam Sách</i>		522,000.0	268,000.0	109,000.000		109,000.000	

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025			
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn	Nguồn vốn		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP		Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	Thu số xổ kiến thiết
A	B	1	2	3	4=5+6+7	5	6	7
1	Đầu tư mở rộng đường dẫn đầu cầu Hàn, đoạn từ đầu cầu Hàn (phía huyện Nam Sách) đến nút giao ĐT.390 và xây dựng tuyến mới nối nút giao ĐT.390 đến QL.18 (phân kỳ đầu tư 1/2 quy mô đường theo quy hoạch được duyệt tuyến mới nối nút giao ĐT.390D đến cầu Tân An)		468,000.0	234,000.0	84,000.000		84,000.000	
2	Xây mới thay thế công Ông Cận, trên kênh KT Ngọc Tri, thuộc địa phận xã Phú Điền, huyện Nam Sách	2247; 08/8/2024	20,000.0	14,000.0	11,000.000		11,000.000	
3	Công trình quân sự NSAI	39; 26/8/2024	34,000.0	20,000.0	14,000.000		14,000.000	
(3)	<i>Thị xã Kinh Môn</i>		237,068.1	120,134.0	34,910.000		34,910.000	
1	Xây dựng đường nối cầu vượt sông Kinh Môn với đường tỉnh 389B (phân kỳ đầu tư 1/2 quy mô đường theo quy hoạch được duyệt)	1379; 06/11/2023	229,068.1	114,534.0	33,000.000		33,000.000	
2	Đầu tư hạ tầng các vùng sản xuất nông nghiệp: Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng sản xuất thuộc phường Minh Tân	1160; 11/9/2024	8,000.0	5,600.0	1,910.000		1,910.000	
(4)	<i>Huyện Kim Thành</i>		816,917.0	431,000.0	218,460.000		218,460.000	
1	Xây dựng Đường trục Đông - Tây huyện Kim Thành và nhánh đi nút giao cầu vượt Quốc lộ 5 (phân kỳ đầu tư 1/2 quy mô đường (Bn= 12m) theo quy hoạch được duyệt)		612,000.0	306,000.0	171,000.000		171,000.000	
2	Xây dựng cầu Kim Liên - Kim Tân và đường dẫn hai đầu cầu thuộc tuyến đường huyện Kim Lương - Liên Hòa, huyện Kim Thành	1146; 12/6/2024	74,917.0	60,000.0	35,000.000		35,000.000	
3	Xây dựng tuyến đường giao thông từ nhà máy Trung Kiên kết nối nút giao lập thể tại xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành	2180; 30/8/2024	130,000.0	65,000.0	12,460.000		12,460.000	
(5)	<i>Huyện Thanh Hà</i>		720,000.0	360,000.0	200,000.000		200,000.000	
1	Nâng cấp đường tỉnh 390B và xây dựng mới tuyến đường tránh trung tâm Thị trấn Thanh Hà		720,000.0	360,000.0	200,000.000		200,000.000	
(6)	<i>Huyện Gia Lộc</i>		30,000.0	20,000.0	20,000.000		20,000.000	

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025			
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn	Vốn XDCB tập trung	Nguồn vốn	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP			Thu sử dụng đất	Thu số xổ kiến thiết
A	B	1	2	3	4=5+6+7	5	6	7
1	Công trình quân sự GLAI	51; 11/11/2024	30.000.0	20.000.0	20.000.000		20.000.000	
(7)	Huyện Ninh Giang		120.000.0	110.000.0	50.000.000		50.000.000	
1	Cải tạo, nâng cấp kênh dẫn Đại Phú Giang và kênh T6 trạm bơm Hiệp Lễ, huyện Ninh Giang		120.000.0	110.000.0	50.000.000		50.000.000	
(7)	Huyện Bình Giang		817.120.0	653.696.0	189.900.960		189.900.960	
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 395 (Đoạn từ Km16+750-Km23+920) và đường dẫn cầu Cây đến đường tỉnh 394		817.120.0	653.696.0	189.900.960		189.900.960	
(8)	Huyện Cẩm Giàng		60.220.0	40.000.0	17.000.000		17.000.000	
1	Công trình quân sự CGAI	28, 22/3/2024; 52, 24/9/2024	29.000.0	20.000.0	12.000.000		12.000.000	
2	Tu bổ, tôn tạo chùa Giám, xã Định Sơn, huyện Cẩm Giàng	1322, 24/4/2023; 2984, 18/9/2024	31,220.0	20,000.0	5,000.000		5,000.000	
(9)	Thành phố Hải Dương		1.689.542.4	1.094.092.4	419.343.000		419.343.000	
1	Cải tạo, mở rộng đường Vũ Công Đán kết nối thành phố Hải Dương với vùng huyện Cẩm Giàng, Bình Giang		1,042,000.0	833,600.0	250,000.000		250,000.000	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường nội bộ và GPMB khu đô thị trung tâm thành phố - Khu vực 2	4093, 30/11/2023	70,720.0	70,720.0	15,279.000		15,279.000	
3	Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu đất công cộng (NVH-01) và giải phóng mặt bằng Khu nhà ở hỗn hợp cao tầng Ngô Quyền, phường Thanh Bình	2292, 11/7/2023	32,972.4	32,972.4	10,100.000		10,100.000	
4	Đầu tư xây dựng hạ tầng khu tái định cư và GPMB khu đô thị trung tâm phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương - Khu vực I	1089, 12/4/2023	543,850.0	156,800.0	143,964.000		143,964.000	
E	PHÂN BỐ CHI TIẾT SAU				336,646.902	205,532.500	131,114.402	



**BIỆU SỐ 03- PHÂN BỐ VỐN NƯỚC NGOÀI NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Quyết định đầu tư										Kế hoạch vốn nước ngoài năm 2025			
						TMĐT (lần cuối)										Tổng số		Bao gồm	
						Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Trong đó, vốn NSTW		Tinh bằng nguyên tệ		Quy đổi ra tiền Việt					
						Tổng số		Tổng số		Tổng số		Tổng số		Tổng số					
	<b>TỔNG SỐ</b>				<b>1,774,584.4</b>	<b>443,646.1</b>					<b>1,330,938.3</b>	<b>399,281.5</b>	<b>931,656.8</b>	<b>111,940.0</b>	<b>190,100.0</b>				
	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025</b>				<b>1,774,584.4</b>	<b>443,646.1</b>					<b>1,330,938.3</b>	<b>399,281.5</b>	<b>931,656.8</b>	<b>111,940.0</b>	<b>190,100.0</b>				
1	Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	WB	2019	6/2025	967; 22/3/2019	443,646.1			59,119 triệu USD		1,330,938.3	399,281.5	931,656.8	111,940.0	190,100.0				



**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025  
(NGUỒN VỐN TRONG NƯỚC)**

*(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT (lần cuối)		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	
A	B	C	D	1	2	3	4
	<b>TỔNG SỐ</b>				<b>839,943.5</b>	<b>705,000.0</b>	<b>225,000.0</b>
<b>I</b>	<b>Dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025</b>				<b>604,943.5</b>	<b>470,000.0</b>	<b>185,000.0</b>
<b>(1)</b>	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2025</b>				<b>434,943.5</b>	<b>300,000.0</b>	<b>15,000.0</b>
1	Xây dựng đường tránh đường tỉnh 391 đoạn qua địa bàn thị trấn Tứ Kỳ và xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ	B	2022-2025	402, 28/01/2022; 806, 28/4/2023	155,943.1	100,000.0	7,000.0
2	Đường vào Khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (Đoạn từ Quốc lộ 37 vào chùa Côn Sơn)	B	2022-2025	837, 15/4/2022; 961, 25/5/2023	279,000.3	200,000.0	8,000.0
<b>(2)</b>	<b>Dự án khởi công mới năm 2025</b>				<b>170,000.0</b>	<b>170,000.0</b>	<b>170,000.0</b>
1	Nạo vét và gia cố kênh trung thủy nông Sắt - Phủ, huyện Bình Giang	B	2025-2026	1691; 14/8/2023	170,000.0	170,000.0	170,000.0
<b>II</b>	<b>Dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (hoàn thành năm 2025)</b>				<b>235,000.0</b>	<b>235,000.0</b>	<b>40,000.0</b>
1	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị y tế 12 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương	B	2022-2025	1855; 31/8/2023	235,000.0	235,000.0	40,000.0





**TIÊU SỐ 05 - HƯỚNG ÁN PHÂN BỐ NGUỒN THU HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

(Ban hành theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư năm 2025
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó, nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư	
1	2	3	4	5	6
<b>TỔNG SỐ</b>			<b>170,883.8</b>	<b>162,043.8</b>	<b>4,000.0</b>
<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025</b>			<b>170,883.8</b>	<b>162,043.8</b>	<b>4,000.0</b>
1	Tu bổ, tôn tạo đền Kiếp Bạc	3252, 30/12/2012; 638, 10/03/2016	93,507.7	84,667.7	3,000.0
2	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Côn Sơn	1152, 11/4/2017; 3835, 17/12/2020	77,376.2	77,376.2	1,000.0